



DK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 920E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Áp kế (Máy chống thấm bê tông)*
Object:

Kiểu: *(Model: HS-40)*
Type:

Số: 190903
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications: - Phạm vi đo: *(0 – 4) Mpa*
- Vạch chia: *0,05 Mpa*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
& THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI TẤN THỊNH**
User:

Địa chỉ: *số 4 ngõ 3, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 08.2/2018*
Method of calibration:

Thiết bị sử dụng: *Bàn tạo áp, áp kế chuẩn*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-25641*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 25 tháng 03 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number **920E.26/PLMT**

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results



Giá trị đọc trên phương tiện đo (Mpa)	Giá trị đọc trên thiết bị hiệu chuẩn (Mpa)	Độ lệch (Mpa)	Độ không bảo đo P = 95%; k = 2
1	1,01	0,01	1,11
2	2,01	0,01	2,01
3	3,02	0,02	1,02

Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ: 28 °C; Độ ẩm 68 % RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 919E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy nén bê tông*

Object:

Kiểu: *Điện Tử (Model: TYE-2000)*

Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

- Phạm vi đo: $(0 \div 800) \text{ kN}$; $(0 \div 2000) \text{ kN}$
- Vạch chia: $2,5 \text{ kN}$; 5 kN

Đơn vị sử dụng:

User:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
& THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI TẤN THỊNH**

Địa chỉ: *số 4 ngõ 3, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 109:2002*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng:

Standards used:

*Lực kế chuẩn Proeti (0-3000) kN, $U=0.05\%$ ($k=2, P=95\%$)
(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả:

Result:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-25640

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 25 tháng 03 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* 919526/MT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ lệch (kN)	Độ lệch mở rộng: $\pm 95\%$
1. Phạm vi đo: (0 ÷ 800) kN			
100	99,5	0,5	0,25
200	198,5	1,5	0,20
300	298,7	1,3	0,10
400	398,6	1,4	0,16
500	498,8	1,2	0,24
600	597,3	2,7	0,16
700	697,5	2,5	0,12
800	797,4	2,6	0,15
<i>Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,9974x - 0,5481$</i>			
2. Phạm vi đo: (0 ÷ 2000) kN			
200	198,4	1,6	0,12
400	398,3	1,7	0,06
600	598,5	1,5	0,08
800	797,3	2,7	0,07
1000	997,7	2,3	0,12
1200	1197,8	2,2	0,09
1400	1397,3	2,7	0,12
1600	1597,1	2,9	0,14
1800	1797,4	2,6	0,06
<i>Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,9992x - 1,6806$</i>			

Trong đó: y là giá trị tính toán, kN
x là giá trị đọc trên phương tiện đo

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 918E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy thử độ bền kéo, nén, uốn*
Object:

Kiểu: *Điện Tử (Model: WE-1000B)*
Type:

Số: *013*

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications: - Phạm vi đo: *(0 ÷ 1000) kN*
- Vạch chia: *0,5 kN, 1 kN, 2 kN*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
& THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI TẤN THỊNH**
User :

Địa chỉ: *số 4 ngõ 3, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 109:2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế chuẩn 3000 kN; U= 0,05% (k=2, P=95%)*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC - 25639*
Stamp No:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 25 tháng 03 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results



Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ KĐĐ mở rộng $k = 2; P = 95\%$
<i>Phạm vi đo: (0 ÷ 200) kN</i>		
40	41,13	0,74
60	61,09	1,43
80	81,32	0,66
100	100,87	0,70
120	121,45	0,59
140	141,60	0,74
160	161,52	0,50
180	181,22	0,64
<i>Phương trình hiệu chuẩn: $Y=1,0025x + 1,0086$</i>		
<i>Phạm vi đo: (0 ÷ 500) kN</i>		
50	50,41	1,24
100	100,48	1,02
150	151,06	0,51
200	119,81	0,50
250	250,66	0,50
300	301,30	0,50
350	351,52	0,50
400	401,59	0,50
450	452,06	0,50
<i>Phương trình hiệu chuẩn: $Y=1,0037x + 0,2175$</i>		
<i>Phạm vi đo: (0 ÷ 1000) kN</i>		
100	99,81	1,47
200	200,38	0,60
300	300,37	0,50
400	400,60	0,50
500	500,46	0,50
600	600,66	0,50
700	700,72	0,50
800	800,88	0,50
900	900,17	0,50
<i>Phương trình hiệu chuẩn: $Y=1,001x - 0,571$</i>		

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công an khác (this measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection and private assessment, law and in other official activities).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo khác (this measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ Temperature: (28) °C
 Environmental conditions: Độ ẩm/ Relative humidity: (68) %RH

Trang 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý

No of page 2

bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 917E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Thiết bị đo nhiệt độ (Tủ sấy)*

Object:

Kiểu: *Điện tử (Model:101-1A)*

Type:

Số: 34331

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Năm: N/A

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

- Phạm vi đo: $(10 \div 300) ^\circ\text{C}$
- Vạch chia: $1 ^\circ\text{C}$

Đơn vị sử dụng:

User:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
& THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI TẤN THỊNH**

Địa chỉ: *số 4 ngõ 3, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 138.2/2018*

Method of Calibration:

Thiết bị được sử dụng: *Bộ nhiệt đa kênh, lò chuẩn nhiệt, cảm biến nhiệt độ chuẩn*

Standards used:

Kết quả:

Results:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-25638

Ngày hiệu chuẩn đến : (*) *Ngày 25 tháng 03 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number*
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



TT	Giá trị đọc trên phương tiện đo (°C)	Giá trị đọc trên thiết bị hiệu chuẩn (°C)	Độ lệch (°C)	Độ KĐĐĐ mở rộng: 95%
1	10	10,3	0,3	
2	20	20,5	0,5	
3	40	40,5	0,5	
4	80	80,9	0,9	
5	160	161,3	1,3	
6	250	252,2	2,2	

1,66

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

No of page 2



DK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 916E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy mài mòn Los Angeles*
Object:

Kiểu: *LA 05*
Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Specifications:

Số: *55*
Serial No:

Năm: *N/A*
Year:

- Tốc độ vòng quay: *(0 đến 33) v/p*
- Đường kính bi: *D = 48 mm*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
& THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI TẤN THỊNH**
User:

Địa chỉ: *số 4 ngõ 3, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 20.2/2020; ĐLMT 15.2/2019*
Method of Calibration:

Thiết bị được sử dụng: *Máy đo tốc độ vòng quay, đồng hồ bấm giây, thước kẹp, cân*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Results:

Số tem: *HC-25637*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*): *Ngày 25 tháng 03 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy kết quả số/ *Enclose the result sheet with number*

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



STT	Chỉ tiêu đo	
1	Tốc độ quay (vòng/phút)	32
2	Đường kính bi (mm)	48
3	Trọng lượng các bi (g)	432 ÷ 442
4	Đường kính trong thùng chứa mẫu (mm)	711 ÷ 712
5	Chiều dài trong thùng chứa mẫu, (mm)	508 ÷ 510

- Điều kiện môi trường.
Nhiệt độ: 28°C ; Độ ẩm: 68%RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN
ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Số: 915E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Thiết bị đo nhiệt độ (Lò nung)*

Object:

Kiểu: *Q/320683*

Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

- Phạm vi đo: $(0 \div 1200) ^\circ\text{C}$

- Vạch chia: $20 ^\circ\text{C}$

Số: *86511077*

Serial No:

Năm: *N/A*

Year:

Đơn vị sử dụng:

User:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
& THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI TẤN THỊNH**

Địa chỉ: *số 4 ngõ 3, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 138.2/2018*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng :

Standards used:

Bộ nhiệt đa kênh, lò chuẩn nhiệt, cảm biến nhiệt độ chuẩn

Kết quả:

Result:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-25636

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 25 tháng 03 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân



Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

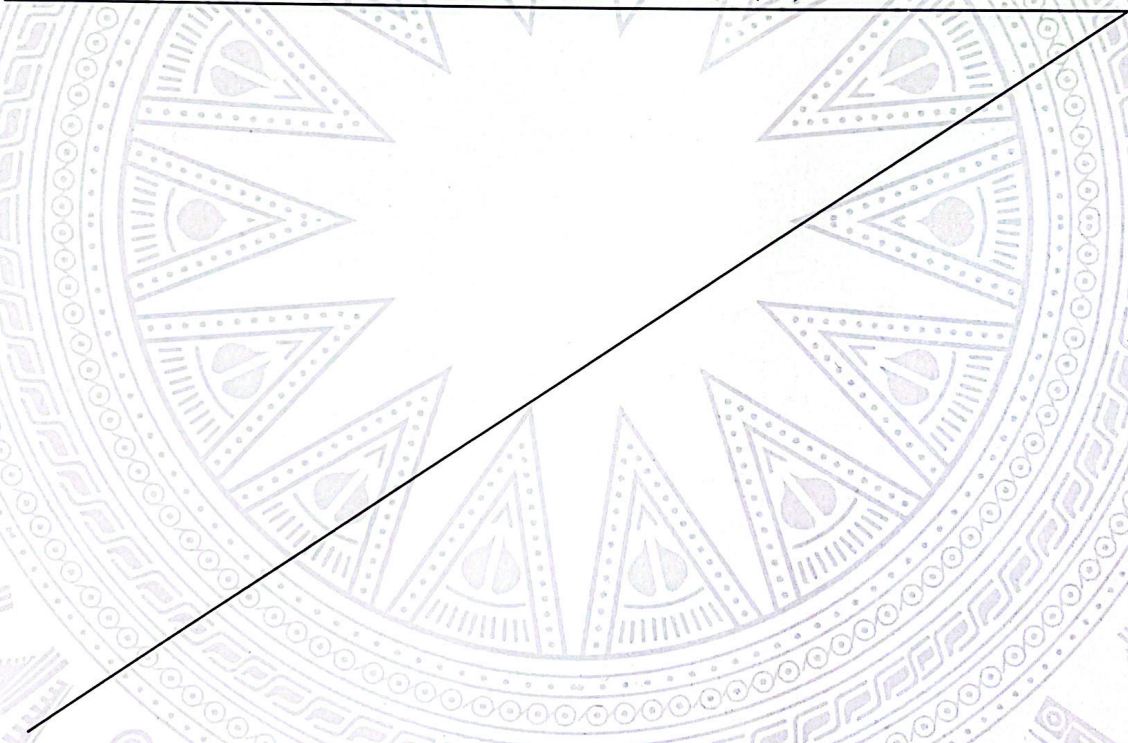
Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* **015K26/ĐLMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results



TT	Giá trị đọc trên phương tiện đo (°C)	Giá trị đọc trên thiết bị hiệu chuẩn (°C)	Độ lệch (°C)	ĐỒ KẾ BỐ mở rộng: k = 2; P = 95%
1	100	100,4	0,4	2,01
2	200	200,5	0,5	
3	400	401,0	1,0	
4	600	601,8	1,8	
5	800	802,7	2,7	
6	1000	1004,2	4,2	

Điều kiện môi trường:
Environmental conditions:

Nhiệt độ/ *Temperature:* (28) °C
 Độ ẩm/ *Relative humidity:* (68) %RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2
 No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 914E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy*
Object:

Kiểu: *Cơ (Mode: N)*

Số: *01205*

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất: *Matest*

Năm: *N/A*

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:

- Phạm vi đo: $(0 \div 70) N/mm^2$

Specifications:

- Vạch chia: $2 N/mm^2$

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ**

User : **& THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI TẤN THỊNH**

Địa chỉ: *số 4 ngõ 3, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 150.2/2020*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng : *S.E06-Đe chuẩn*

Standards used:

Kết luận :

1st	2nd	3rd	4th	5th	6th	7th	8th	9th	10th
80	79	80	79	80	81	80	80	79	81

Conclusion:

Số tem:

HC-25635

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 25 tháng 03 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

No of page 1

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Điều kiện môi trường

Nhiệt độ: (28) °C : Độ ẩm : (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



DK: 386

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN
ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Số: 913E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân kỹ thuật*

Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: N/A)*

Type:

Số: *N/A*

Serial No:

Nơi sản xuất: *Đài Loan*

Manufacturer:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- *Max = 30 kg, min = 20 g*

- *Vạch chia: $d = 1$ g*

- *Cấp chính xác III*

Đơn vị sử dụng:

User:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
& THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI TẤN THỊNH**

Địa chỉ: *số 4 ngõ 3, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 16.2/2018*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng:

Standards used:

Bộ quả cân chuẩn cấp chính xác F_1

Kết quả:

result:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-25634

Ngày hiệu chuẩn đến (*): *Ngày 25 tháng 03 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2027

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N^o:* 973E 26/ĐL/M/

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



TT	Giá trị quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ lệch cho mỗi rộng: k = 2; P = 95%
1	500	500	-	2,77
2	1000	1000	-	
3	3000	3000	-	
4	5000	5000	-	
5	10000	10002	2	
6	20000	20002	2	
7	25000	25004	4	

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ/ *Temperature:* (28) °C

Environmental conditions:

Độ ẩm/ *Relative humidity:* (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 912E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cần đo Benkenman*

Object:

Kiểu: *Cơ (Model: N/A)*

Số: 227

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Năm: *N/A*

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:

- *Tỉ lệ: Cánh tay đòn 2/1*
- *Đồng hồ so: từ 0 ÷ 10 mm*
- *Giá trị vạch chia đồng hồ so: 0,01 mm*

Specifications:

Đơn vị sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
& THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI TÂN THỊNH**

User:

Địa chỉ: *số 4 ngõ 3, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 05.2/2018*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng: *Bộ căn mẫu cấp 1, thước vạch*

Standards used:

Kết quả:

Xem trang sau

Result:

Số tem:

HC-25633

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 25 tháng 03 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number **N: 013E.266/LMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results

Giá trị căn mẫu (mm)	Giá trị chỉ thị (mm)
1,00	0,50
2,00	0,98
3,00	1,50
4,00	2,00
6,00	3.01
8,00	4,03
10,00	5.03

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ/ Temperature: (28) °C

Environmental conditions:

Độ ẩm/ Relative humidity: (67) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

DANH MỤC THIẾT BỊ CƠ BẢN CÓ KIỂM ĐỊNH

(Danh mục này kèm theo quyết định số 02/2026/QĐ-CBNL ngày 01 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ tư vấn thiết kế và thí nghiệm xây dựng, thương mại Tấn Thịnh)

S T T	Tên máy	Kiểu	Số lượng	Nơi sản xuất	Nơi kiểm định	Hạn kiểm định
1	Cân điện tử 30 kg	231031	1	Trung Quốc	Công ty cp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền Trung	03/2027
2	Súng bột nẩy	1205	1	Matest -Italy	Công ty cp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền Trung	03/2027
3	Lò nung	8651107 7	1	Trung Quốc	Công ty cp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền Trung	03/2027
4	Máy mài mòn LA	55	1	Trung Quốc	Công ty cp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền Trung	03/2027
5	Tủ sấy	101-1A	1	Trung Quốc	Công ty cp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền Trung	03/2027
6	Máy thử độ bền kéo - nén - uốn	WE- 1000B	1	Trung Quốc	Công ty cp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền Trung	03/2027

7	Máy thử độ bền nén	TYE-2000	1	Trung Quốc	Công ty cp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền Trung	03/2027
8	Máy thử thấm bê tông	HS-40	1	Trung Quốc	Công ty cp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền Trung	03/2027
9	Cân benkalman	Cơ	1	Trung Quốc	Công ty cp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền Trung	03/2027